

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 - 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Hoàng Thị Phương	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

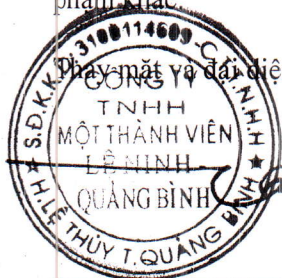
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phạm mắt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Trụ sở: Tầng 6, Số 136
Đường Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84.4) 3 7481 577/8
Fax: (84.4) 3 7481 579
Website: www.acgroup.com.vn

Số. *016*/2015/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP *Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình*

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014, trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc của kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình



Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán tuy nhiên còn chứa đựng ý kiến ngoại trừ. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán năm 2013 đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tới báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.
- Công ty có các giao dịch mua, bán vật tư, hàng hóa nội bộ giữa các xí nghiệp với văn phòng Công ty, giữa các xí nghiệp trong Công ty với nhau. Các vật tư, hàng hóa đó bao gồm các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm phân bón. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không theo dõi riêng kinh doanh dở dang mà xác định toàn bộ giá trị hàng hóa, vật tư đó cấu thành giá vốn hàng bán trong kỳ, thực hiện bù trừ doanh thu và giá vốn. Chúng tôi không có đủ cơ sở để phân tách giá trị các giao dịch nội bộ trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Bá An

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1645-2013-202-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (AC)

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2554-2013-202-1

**UBND TT NT LÊ NINH H. LÊ THUY
CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 10-05-2017

Số: 645 Quyển 01 UBND/CT-BS



Phạm Minh Diễm

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.123.773.766	27.835.335.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.616.643.218	8.989.990.174
1. Tiền	111	5.1	5.616.643.218	8.989.990.174
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.296.812.243	1.337.824.561
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	1.296.812.243	1.337.824.561
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.591.197.491	2.565.609.710
1. Phải thu khách hàng	131		1.263.921.016	1.368.343.644
2. Trả trước cho người bán	132		52.620.721	384.510.215
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.331.742.507	812.755.851
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(57.086.753)	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.879.841.496	11.178.649.286
1. Hàng tồn kho	141	5.4	14.022.130.545	11.178.649.286
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(142.289.049)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.739.279.318	3.763.262.166
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	16.914.822
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		221.552.815	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		37.691.069	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.480.035.434	3.746.347.344
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.981.461.590	106.349.145.552
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		114.846.922.708	102.998.874.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	60.741.920.821	67.754.221.582
- Nguyên giá	222		145.559.298.776	147.614.655.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.817.377.955)	(79.860.433.694)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	633.948.892	2.532.219.420
- Nguyên giá	228		983.481.771	2.811.731.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(349.532.879)	(279.512.351)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	53.471.052.995	32.712.433.016
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24.496.603	24.496.603
3. Đầu tư dài hạn khác	258		24.496.603	24.496.603
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.110.042.279	3.325.774.931
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.110.042.279	3.325.774.931
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.105.235.356	134.184.481.449

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300			
I. Nợ ngắn hạn	310		52.402.689.046	41.527.883.523
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	41.640.627.161	36.222.270.022
2. Phải trả người bán	312		24.684.584.836	14.611.274.770
3. Người mua trả tiền trước	313		2.967.562.804	3.971.673.259
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.241.978.000	2.883.107.870
5. Phải trả người lao động	315		23.605.394	275.516.939
6. Chi phí phải trả	316	5.12	2.233.833.073	3.130.667.359
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	588.636.094	160.956.765
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		805.306.283	494.826.686
II. Nợ dài hạn	330		8.095.120.677	10.694.246.374
3. Phải trả dài hạn khác	333		10.762.061.885	5.305.613.501
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	223.159.720	359.952.410
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		9.867.167.900	4.270.176.826
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		671.734.265	675.484.265
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	92.702.546.310	92.656.597.926
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.512.451.142	92.466.502.758
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		83.894.608.461	83.894.608.461
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		8.617.842.681	8.571.894.297
1. Nguồn kinh phí	431		190.095.168	190.095.168
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		62.538.172	62.538.172
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.105.235.356	134.184.481.449



Nguyễn Ngọc Sơn
 Giám đốc
 Ngày 15 tháng 03 năm 2015

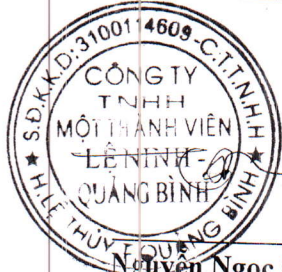
Hoàng Thị Phương
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	42.680.775.173	101.478.307.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	5.929.735
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.680.775.173	101.472.377.773
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	38.017.084.729	79.925.922.481
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.663.690.444	21.546.455.292
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	469.975.032	747.073.768
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.679.782.847	2.324.524.638
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.679.782.847	2.324.524.638
8. Chi phí bán hàng	24		302.611.428	467.214.073
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.640.453.430	7.759.337.339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(489.182.229)	11.742.453.010
11. Thu nhập khác	31		4.247.102.046	3.150.571.475
12. Chi phí khác	32		3.678.189.088	6.844.138.827
13. Lợi nhuận khác	40		568.912.958	(3.693.567.352)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.730.729	8.048.885.658
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		33.782.345	2.033.122.192
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		45.948.384	6.015.763.466



Nguyễn Ngọc Sơn

Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2015

Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

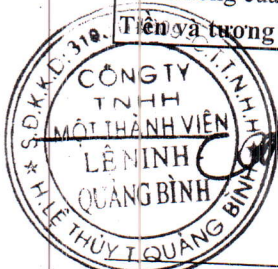
Nguyễn Thị Liên

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN
 ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	40.862.976.849	101.399.252.544
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(18.459.649.081)	(45.009.837.722)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.778.631.325)	(33.699.750.570)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.906.145.519)	(2.237.976.938)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(328.548.253)	(3.174.940.167)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.420.684.937	20.284.821.648
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(10.518.632.873)	(21.272.418.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.707.945.265)	16.289.150.069
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.984.016.201	531.147.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(61.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	486.502.152	1.530.289.777
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	391.064.172	648.558.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.800.582.525	2.709.995.559
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	27.642.671.228	25.925.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.108.655.444)	(47.861.975.169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.534.015.784	(21.936.975.169)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.373.346.956)	(2.937.829.541)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.989.990.174	11.927.819.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.616.643.218	8.989.990.174



Nguyễn Ngọc Sơn

Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2015

Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên

Người lập

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên số 3100114609 ngày 01 tháng 7 năm 2010, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi;
- Nhà máy chế biến phân bón;
- Xí nghiệp chăn nuôi lợn;

Vốn điều lệ: 101.965.000.000 đồng (Một trăm linh một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng cây cao su;
- Khách sạn;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất nito (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc; nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm./.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam Đồng (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 (hướng dẫn sửa đổi bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các xí nghiệp trực thuộc được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Xí nghiệp trong cùng công ty, giữa các Xí nghiệp với Văn phòng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư ngắn hạn

Số dư các khoản đầu tư ngắn hạn cuối kỳ bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn và các khoản đầu tư cho dự án nuôi bò.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	4 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

Phần mềm

Tài sản cố định là phần mềm thể hiện giá trị đầu tư cho phần mềm để đưa phần mềm vào sử dụng và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định là phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian khấu hao Công ty đang áp dụng là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ chi phí phát sinh trong việc trồng mới các vườn cao su chưa đủ điều kiện đưa vào khai thác.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản các khoản sửa chữa thường xuyên và giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện nhỏ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp đã hoàn thành và được người mua chấp nhận, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh khoản chi phí đi vay đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,

huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	92.453.246	131.438.077
Tiền gửi ngân hàng	5.524.189.972	8.858.552.097
Cộng	5.616.643.218	8.989.990.174

5.2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	1.296.812.243	1.337.824.561
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	1.296.812.243	1.337.824.561

5.3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm người lao động	337.129.885	409.435.834
Tiền vật tư sản xuất	969.844.310	-
Phải thu khác	24.768.312	403.320.017
Cộng	1.331.742.507	812.755.851

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.056.837.709	1.648.410.503
Công cụ, dụng cụ	140.549.233	147.591.118
Chi phí SXKD dở dang	4.684.123.730	6.506.032.226
Thành phẩm	8.136.844.873	2.876.615.439
Cộng	14.022.130.545	11.178.649.286

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (i)	3.332.629.102	3.332.629.102
Tạm ứng cho công nhân viên	1.136.306.332	402.618.242
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.100.000	11.100.000
Cộng	4.480.035.434	3.746.347.344

(i): Đây là giá trị còn lại của vườn cây cao su bị thiệt hại do bão số 10 năm 2013. Công ty đang trình bày trên chỉ tiêu "Tài sản thiếu chờ xử lý" để chờ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,

huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	58.904.701.398	18.894.413.017	3.998.620.860	713.210.355	65.103.709.646	147.614.655.276
Mua trong năm	296.957.640	1.190.785.377	-	-	-	1.487.743.017
Đầu tư XDCB hoàn	376.822.560	-	-	-	-	376.822.560
Tặng khác (ii)	32.000.000	-	1.351.262.105	-	-	1.383.262.105
Giảm do thanh lý	1.385.124.178	-	-	-	-	3.919.922.077
Giảm khác (ii)	-	1.383.262.105	-	-	2.534.797.899	-
Tại ngày 31/12/2014	58.225.357.420	18.701.936.289	5.349.882.965	713.210.355	62.568.911.747	145.559.298.776
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	24.245.271.074	8.664.871.656	1.577.193.986	328.599.953	45.044.497.025	79.860.433.694
Khấu hao trong năm	3.321.921.553	1.783.476.098	368.125.683	84.567.108	2.042.181.884	7.600.272.326
Tặng khác (iii)	32.000.000	-	514.659.543	2.742.021	148.993.693	698.395.257
Thanh lý	385.833.239	-	-	-	2.257.494.826	2.643.328.065
Giảm khác (iii)	148.993.693	549.401.564	-	-	-	698.395.257
Tại ngày 31/12/2014	27.064.365.695	9.898.946.190	2.459.979.212	415.909.082	44.978.177.776	84.817.377.955
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	34.659.430.324	10.229.541.361	2.421.426.874	384.610.402	20.059.212.621	67.754.221.582
Tại ngày 31/12/2014	31.160.991.725	8.802.990.099	2.889.903.753	297.301.273	17.590.733.971	60.741.920.821

Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có tổng nguyên giá 36.197.033.571 đồng

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo
MẪU B 09-DN

(ii): Tăng khác, giảm khác nguyên giá TSCĐ là giá trị tài sản phân loại lại để phù hợp với chức năng, công dụng của tài sản;

(iii): Tăng khác giá trị hao mòn lũy kế của Thiết bị dụng cụ quản lý, Vườn cây cao su, súc vật, giảm khác giá trị hao mòn lũy kế của Nhà cửa, vật kiến trúc là số điều chỉnh lại để đảm bảo sự phù hợp giữa nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ là vườn cây cao su tương ứng với diện tích 933,65 ha. Trong đó có 500 ha đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư phát triển - Chi nhánh Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng số 05/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 22 tháng 8 năm 2014.

5.7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	2.517.847.236	167.520.900	126.363.635	2.811.731.771
Thanh lý, nhượng bán	1.828.250.000	-	-	1.828.250.000
Tại ngày 31/12/2014	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	69.393.858	125.876.052	84.242.441	279.512.351
Khấu hao trong năm	20.584.992	24.162.804	25.272.732	70.020.528
Tại ngày 31/12/2014	89.978.850	150.038.856	109.515.173	349.532.879
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	2.448.453.378	41.644.848	42.121.194	2.532.219.420
Tại ngày 31/12/2014	599.618.386	17.482.044	16.848.462	633.948.892

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là giá trị vườn cây cao su kiến thiết cơ bản. Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản là các vườn cây cao su đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ; giá trị còn lại của các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và các khoản chi phí sửa chữa tài sản cố định.

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	23.844.584.836	13.364.834.770
Nợ dài hạn đến hạn trả	840.000.000	1.246.440.000
Cộng	24.684.584.836	14.611.274.770

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNHThị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09-DN****5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	8.321.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	257.181.723
Thuế Thu nhập cá nhân	23.605.394	5.268.718
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.744.610
Cộng	23.605.394	275.516.939

Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 của chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước có thay đổi so với số tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nguyên nhân là do Công ty thực hiện điều chỉnh số thuế phải nộp theo Biên bản kiểm tra thuế của Cơ quan thuế và Biên bản kiểm tra của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	181.422.000	121.920.400
Chi phí vật tư sản xuất	278.047.876	-
Chi phí phải trả khác	129.166.218	39.036.365
Cộng	588.636.094	160.956.765

5.13. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	339.470.023	190.866.973
Bảo hiểm xã hội	-	151.469.812
Bảo hiểm y tế	-	12.698.027
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.328.174
Tiền ồm đau, thai sản	363.322.700	73.016.500
Phải trả phải nộp khác	102.513.560	63.447.200
Cộng	805.306.283	494.826.686

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNHThị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09-DN****5.14. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	724.890.000	1.564.890.000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	459.587.000	459.587.000
Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình	-	30.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	7.000.000.000	-
Vay Cá nhân	1.682.690.900	2.215.699.826
Cộng	9.867.167.900	4.270.176.826

Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng số 05/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 22 tháng 8 năm 2014: Hạn mức vay 81,6 tỷ đồng, lãi suất vay 10,5%, thời hạn 60 tháng.

Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 518/2011/HĐTD ngày 22 tháng 12 năm 2011: Hạn mức vay 4,2 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

Vay cá nhân là các khoản vay của Người lao động với thời hạn trên 1 năm, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng mà Công ty giao dịch.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,

huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1.15. Vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 09-DN

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	88.808.449.688	4.844.871.194	6.954.016.505	-	100.607.337.387
Tăng trong năm trước	-	1.804.729.040	-	-	1.804.729.040
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.015.763.466	6.015.763.466
Tăng khác	-	1.922.294.063	-	-	1.922.294.063
Giảm trong năm trước	4.913.841.227	-	145.540.692	-	11.075.145.385
Giảm khác	-	-	6.808.475.813	6.015.763.466	6.808.475.813
Tại ngày 01/01/2014	83.894.608.461	8.571.894.297	-	-	92.466.502.758
Tăng trong năm nay	-	45.948.384	-	-	45.948.384
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm trong năm nay (vii)	-	-	-	45.948.384	45.948.384
Tại ngày 31/12/2014	83.894.608.461	8.617.842.681	-	45.948.384	92.512.451.142

Chi tiết phân phối lợi nhuận như sau:

Quỹ đầu tư phát triển	45.948.384
Quỹ thưởng ban điều hành	-
Quỹ khen thưởng	-
Quỹ phúc lợi	-
Cộng	45.948.384

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNHThị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	695.244.636	1.585.729.897
Doanh thu bán thành phẩm	41.664.031.498	99.597.315.517
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	295.262.094
Doanh thu hoạt động khác	321.499.039	-
Cộng	42.680.775.173	101.478.307.508

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	594.966.770	1.384.939.947
Doanh thu bán thành phẩm	37.422.117.959	78.401.646.866
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	139.335.668
Doanh thu hoạt động khác	-	-
Cộng	38.017.084.729	79.925.922.481

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	469.975.032	627.987.335
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	119.086.433
Cộng	469.975.032	747.073.768

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	1.679.782.847	2.324.524.638
Cộng	1.679.782.847	2.324.524.638

6.5. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.423.084.266	34.400.718.549
Chi phí nhân công	17.181.980.654	31.757.516.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.746.341.501	11.380.633.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi khác bằng tiền	1.749.167.353	2.393.152.696
Cộng	38.100.573.774	79.932.021.333



CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán sau khi thực hiện hạch toán bổ sung nghĩa vụ thuế năm 2013 theo kết quả kiểm tra của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình và cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán được đánh giá là có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 03 năm 2015

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
Người lập
